

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-4-2022

Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa.

2. Bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp 8, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh T1, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp 8, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *Vắng mặt lần 02 không lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Năm 2002 chị T và anh T1 chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau, anh T1 không lo làm ăn phụ giúp gia đình, mà còn ghen tuông vô cớ, xúc phạm danh dự, đánh đập chị T. Chị T đã cố gắng nhịn để lo cho các con nhưng đến nay anh T1

vẫn không sửa đổi tính tình. Từ đó, chị T không sống chung với anh T1 nữa. Nay tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1. Anh chị có 02 người con chung là T3, sinh ngày 23/01/2003 (đã có gia đình riêng) và T4, sinh ngày 18/01/2016 đang sống chung với anh T1. Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu được nuôi T4, không yêu cầu cấp dưỡng. Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Chị T thống nhất giao con là T4 cho anh T1 trực tiếp nuôi theo yêu cầu của anh T1.

Chị T trình bày không có tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh T1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Tờ tường trình ngày 22/12/2021, anh T1 trình bày:* Anh T1 không muốn ly hôn với vợ, anh muốn được hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con nên người, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh xin được trực tiếp nuôi con.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T1 và chị T sống chung từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T giao con là T4 cho anh T1 nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T và anh T1 không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Năm 2002 chị T và anh T1 sống chung như vợ chồng cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh chị. Theo đó, chị T và anh T1 không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là T3, sinh ngày 23/01/2003, đã trưởng thành có gia đình riêng và T4, sinh ngày 18/01/2016. Anh

T1 yêu cầu được nuôi con, chị T đồng ý giao T4 cho anh T1 trực tiếp nuôi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng: Không ai yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh T1 không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị T phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị T và anh T1.

2- Về con chung: Giao T4 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh T1 vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Án phí sơ thẩm: Chị T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005186 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

4- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận